

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án: 09/2018/DS- ST

Ngày: 04-10-2018.

V/v “*Tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Hồng Cường**.

- Bà **Nguyễn Thị Minh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hôm nay, ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 20/2018/TLST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 về “*Tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D** – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị X** – Sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Duy H – Sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà D, bà X, ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-10-2016 và những lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D thể hiện:

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2013 bà Đỗ Thị X vay của bà số tiền 500.000.000đ, hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Tới hạn bà đã đòi bà X nhiều lần nhưng bà X không trả, do vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X phải trả cho bà 500.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Đỗ Thị X trình bày:

Bà X thừa nhận bà vay của bà D 500.000.000đ nhưng trong thời gian nằm viện điều trị từ ngày 03/4/2013 đến ngày 29/6/2013 chồng bà là ông H đã ký nhận nợ thay cho bà sau đó bà D khởi kiện ông H nên số tiền vay trên đã được giải quyết tại bản án số 05/2015/DS-ST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, hơn nữa trong thời gian này bà bị tai nạn phải nằm viện điều trị không làm ăn buôn bán được nên không thể vay tiền của bà D, do bà không lấy lại tờ giấy bà ký nhận nợ với bà D nên bà D căn cứ vào giấy nhận nợ của bà để khởi kiện, do vậy bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Duy H trình bày:

Giữa ông với bà D không có quan hệ vay mượn gì, vợ ông bà X có vay mượn bà D, trong lúc vợ ông bị tai nạn đi bệnh viện ở thành phố Hồ Chí Minh, bà D bảo ông ký xác nhận vợ ông có vay bà D 500.000.000đ, do sơ xuất nên khi ký ông không đọc nội dung. Số tiền ông ký nhận nợ thay đã được giải quyết tại bản án số 05/2015/DS-ST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, nay bà D lại tiếp tục khởi kiện vợ ông với số tiền 500.000.000đ ông hoàn toàn không đồng ý.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Ông H trình bày bổ sung: Nguồn gốc của số nợ vay trong vụ án này với số nợ vay đã được giải quyết tại bản án số 05/2015/DS-ST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ là một. Ông ký xác nhận nợ thay cho bà X trên giấy vay ngày 27/4/2013, khi ông ký không có việc thỏa thuận chuyển giao trách nhiệm trả nợ giữa bà D, bà X và ông.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được Thông báo số 03/TB-VKS ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ nội dung thông cho rằng vụ án trên không thuộc các trường hợp tham gia phiên Tòa của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật tố tụng dân sự, đồng thời cũng trong ngày 03 tháng 10 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ số 02/YC-VKS-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ lấy lời khai của ông Phan Duy H với những nội dung sau:

Nguồn gốc số nợ vay trong vụ án này có liên quan đến số nợ vay tại bản án số 05/2015/DS-ST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ hay không? ông H khai có ký xác nhận nợ cho bà X, việc ký xác nhận nợ của ông H là ký trên giấy vay nợ nào và cho khoản vay nào? có việc chuyển giao trách nhiệm trả nợ giữa bà D, ông H và bà X hay không, nếu có thì việc trả nợ diễn ra khi nào? có chứng cứ gì không?

Hội đồng xét xử thấy rằng những vấn đề Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ yêu cầu đã được làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hoãn phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ theo yêu cầu của Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo giấy vay tiền ngày 15-5-2013 do bà D cung cấp thể hiện: Vào ngày 15-5-2013 bà Đỗ Thị X có vay của bà D số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay là 10 ngày, lãi xuất thỏa thuận. Đến hạn trả nợ bà X không trả, do vậy bà D là đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X phải trả số tiền 500.000.000đ, bà D không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trên của bà D là có cơ sở và đúng pháp luật vì bà D xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bà X cho rằng: Bà có vay của bà D số tiền 500.000.000đ nhưng trong thời gian nằm viện điều trị từ ngày 03/4/2013 đến ngày 29/6/2013 chồng bà là ông H đã ký nhận nợ thay cho bà sau đó bà D khởi kiện ông H nên số tiền vay trên đã được giải quyết tại bản án số 05/2015/DS-ST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, còn ông H cho rằng ông không có quan hệ vay mượn gì với bà D, do vợ ông đi nằm viện nên bà D yêu cầu ông ký giấy xác nhận nợ cho vợ ông, việc ông ký giấy nhận nợ thay cho vợ ông đã được giải quyết tại bản án số 05/2015/DS-ST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, nay bà D lại khởi kiện bà X cũng với số tiền 500.000.000đ nên bà X và ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D, lời trình bày trên của bà X, ông H là không có cơ sở chấp nhận vì bà X và ông H không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là

có căn cứ. Tại giấy nhận nợ của ông H ngày 27/4/2013 bản thân ông H đã ký nhận nợ, sau đó đến ngày 13/02/2014 ông H lại là người trực tiếp ghi nội dung cam kết sẽ trả số tiền đã vay, hoàn toàn không có nội dung nào thể hiện việc nhận nợ thay cho bà X. Do đó tại bản án số 05/2015/DS-ST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên buộc ông H phải trả cho bà D số tiền gốc và lãi là 590.000.000đ.

Đối với giấy vay nợ bà X ký vay của bà D ngày 15/5/2013 có chữ ký của bà X, bà X cho rằng ông H ký nhận nợ thay bà trong thời gian bà nằm viện thì giấy vay tiền của ông H phải ký sau ngày 15/5/2013, trong khi đó ông H lại ký giấy vay tiền 27/4/2013, do vậy giấy vay tiền ngày 27/4/2013 và ngày 15/5/2013 là hoàn toàn độc lập với nhau, với hai khoản vay khác nhau. Từ ngày 03/4/2013 đến ngày 29/6/2013 bà X cho rằng bà đi bệnh viện tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/5/2013 bà ở nhà con bà tại thành phố Hồ Chí Minh có hàng xóm chứng kiến nhưng do thời gian đã lâu hàng xóm không xác nhận việc này chỉ có vợ chồng con bà chứng kiến, việc tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đối với vợ chồng con của bà X là không đảm bảo tính khách quan nên Tòa án không tiến hành thu thập, ngoài ra bà X không có chứng cứ gì khác chứng minh cho việc cả ngày 15/5/2013 bà ở tại thành phố Hồ chí Minh.

[2] Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự là 02 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước bị xâm phạm. Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 02 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm. Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, do trong thời hạn mà pháp luật quy định bà D không khởi kiện nên Tòa án xác định đây là vụ án Kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy cần buộc bà Đỗ Thị X phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 500.000.000đ.

[3] Do bà D không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà X thuộc đối tượng miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật nên bà X không phải nộp án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 166, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị D** về việc “*Tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản*” với bà **Đỗ Thị X**.

Buộc bà **Đỗ Thị X** phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp toàn bộ án phí DSST cho bà Đỗ Thị X.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004628 ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Cường Nguyễn Thị Minh

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Anh Đồng

Đinh Trọng Hà

Nguyễn Đình Phong

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghìn cứ u ắc tài liệ u cũ trong hồ sơ vụ án, ư ợ c thấ m tra tạ i phĩn tĩa, Hộ i ồ ng ắt xử nhậ n i nh:

1. Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đ^y 1 “Tranh chấp đn sự về kiệ n ị tài sả n” thuộ c thấ m quyề n giả i quyế t củ a Tĩa^n nhĩn đn huyệ n Đ, tỉ nh Lâm Đ ồ ng theo quy ị nh tạ i khoả n 2 Đ iề u 26, iể m a khoả n 1 Đ iề u 35 v iể m a khoả n 1 Đ iề u 39 Bộ luật tố tụng đn sự nă m 2015.

2. Nội dung vụ án:

2.1. Xét ỹu cầu khởi i kiệ n ngày 03/10/2016 củ a ḅ Nguyễn Thị D ỹu cầu ḅ Đ ồ Thị X trả cho ḅ số tiề n cịn nợ 500.000.000 ồ ng (Năm tră m triệ u □ ồ ng).

Về hợ p ồ ng vay tài sả n (vay tiề n) ư ợ c giao kế t giữ a ḅ D vớ i ḅ X 1 “Giấ y nợ tiề n lập ngày 15/5/2013 cũ chữ kí ắc nhậ n củ a ḅ Đ ồ Thị X 1 cũ thậ t. Tạ i phĩn tĩa ḅ Nguyễn Thị D vẫ n ỹu cầu ḅ Đ ồ Thị X trả nợ cho ḅ số tiề n 500.000.000 ồ ng (Năm tră m triệ u □ ồ ng).

Từ nhữ ng nhậ n i nh trĩn ỹn ỹu cầu củ a nguỹn ơ n ḅ D ỹu cầu bị ơ n ḅ X trả số tiề n gố c vay cịn nợ 500.000.000 ồ ng (Năm tră m triệ u □ ồ ng) cũ cả n cứ cả n chấp nhậ n. Lề ph hợ p Đ iề u 166 củ a Bộ luật đn sự nă m 2015.

Đ ồ i vớ i i kiế n củ a ḅ X cho rằ ng: B cũ vay củ a ḅ D số tiề n 500.000.000 ồ ng (Năm tră m triệ u □ ồ ng) như ng lợ i dụ ng ỉc ḅ ang nă m việ n thì ḅ D cũ tình hợ p ơng H kí thĩm mộ t giấ y nhậ n nợ thứ 2 nũ a v cũ khởi i kiệ n ơng H ị tổ ng số tiề n 590.000.000 ồ ng v nay lạ i khởi i kiệ n ị ḅ X tiế p 500.000.000 ồ ng. Đ ồ i vớ i i kiế n nỹ 1 hỏn tồn không cũ cơ sở vì lẽ .

Tạ i giấ y nhậ n nợ củ a ơng H vay ngày 27/4/2013 bả n tĩn ơng H cũ kí nhậ n nợ , sau i ể n ngày 13/02/2014 ơng H lạ i ỉ ngũ ờ i trự c tiế p ghi nộ i dung cam kế t sẽ trả số tiề n cũ vay, hỏn tồn không cũ nộ i dung nĩn thể hiệ n việ c nhậ n nợ thay cho ḅ X. Do i tạ i bả n n số 05/2015/DS-ST ngay 29/6/2015 củ a TAND huyệ n Đ tĩa^n cũ tũn buộ c ơng H phả i trả cho ḅ D tồn bộ số tiề n gố c v ỉ ỉ 590.000.000 ồ ng ỉ hỏn tồn ph hợ p.

Đ ồ i vớ i giấ y vay nợ ḅ X kí vay củ a ḅ D ngày 15/5/2013 cũ chữ kí củ a ḅ X rằ t ỉ rĩng, trong qũ trình giả i quyế t vụ án v tạ i phĩn tĩa hỏm nay ḅ X không ư a ra bả t cứ chứ ng từ nĩn thể hiệ n cũ trả xong số tiề n vay nỹ. Đ ồ ng thờ i trong qũ trình giả i quyế t vụ án mặ c đ Tĩa^n cũ thự c hiệ n ắc thủ tụ c tố ng ạ t thớng bố thụ ỉ, giấ y triệ u tụ p, thớng bố phĩn hợ p v hĩa giả i, quyế t ị nh ư a vụ án ra ắt xử như ng ḅ X cũ tình trĩ hỏn không hợ p ắc kớ đi thờ i gian giả i quyế t vụ án, gỹ khĩ khả n cho hoặ t ộ ng tố tụng. Do i cả n cứ v ỏ nhữ ng chứ ng cứ cũ trong hồ sơ thể hiệ n việ c ḅ

X cũ vay tiề n củ a bầ D l cũ thậ t. Do vậ y, i kiế n củ a bầ X cho rằ ng ơ ng H chồ ng bầ nhậ n trả nợ thay không ư ợ c chấ p nhậ n.

2.2. Vế ấ n phí:

Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà Đỗ Thị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 400.000.000 đồng là 20.000.000 đồng; $100.000.000 \text{ đồng} \times 4\% = 4.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng bà X phải chịu án phí là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*). Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho bà X vì bà X thuộc trường hợp người cao tuổi là phù hợp.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D do yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Că n cứ khoả n 2 Đ iề u 26, Đ iề u 35, Đ iề u 144, Đ iề u 147, Đ iề u 271 vậ Đ iề u 273 củ a Bộ luật t tở tậ ng đ n sự ;

Áp dụng các Điều 3, 166 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Đỗ Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Bà Đỗ Thị X được miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) theo biên lai thu số AA/2013/0004628 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ – Lâm Đồng.

Trong thờ i hậ n 15 ngày trịn kể từ ngày tuỷ n, nguỷ n ơ n, bị ơ n cũ quyề n kớ ng cồ bả n n n hậ n lậ n Tậ n n hậ n đ n tậ nh lậ m Đ ồ ng ể xín xớ xữ p hứ c thấ m.

“Trư ờ ng hợ p bả n n, quyế t □ i nh □ ư ợ c thi hính theo quy □ i nh tậ i Đ iề u 2 Luật thi hính n đ n sự thì ng ư ờ i □ ư ợ c thi hính n đ n sự, ng ư ờ i phả i thi hính n đ n sự cũ quyề n thỏ a thuậ n thi hính n, quyề n yu cầ u thi hính n, tự nguyệ n thi hính n hoặ c bị c ư ờ ng chể thi hính n theo quy □ i nh tậ i cắ c Đ iề u 6,7 vậ Đ iề u 9 Luật thi hính n đ n sự; thờ i hiệ u thi hính n □ ư ợ c thự c hiệ n theo quy □ i nh tậ i Đ iề u 30 Luật thi hính n đ n sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan sự ;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

L Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

